

Số: 46/2022/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 16 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 2002, địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Trần Đăng Đ, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn Đoàn K, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Trần Đăng Đ.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Trần Đăng Đ có 01 con chung tên là: Trần Lê Thái A, sinh ngày 08/5/2020.

Chị Lê Thị L và anh Trần Đăng Đ thỏa thuận giao cháu Trần Lê Thái A, sinh ngày 08/5/2020 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến

cháu A thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Lê Thị L và anh Trần Đăng Đ thỏa thuận, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mức 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2022 cho đến khi cháu A thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị L và anh Trần Đăng Đ đều thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung .

- Về án phí: Án phí thuận tình ly hôn là: 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), chị L và anh Đ mỗi người phải chịu 75.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là: 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), anh Đ phải chịu 150.000 đồng. Chị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số số 0006658 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND TT.C;
- CCTHADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đặng Anh Việt